TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SL** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 8 - 2024
Về việc "Kiện không công nhận là vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SL, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lò Thị Mai Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lò Thị Quỳnh
2. Bà Hà Thị Thanh Liêm

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Mai Chi, thư ký Tòa án nhân dân thành phố SL, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố SL tham gia phiên toà: Bà Ông Nguyễn Bằng Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố SL, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc Kiện không công nhận là vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Thôn K, xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số nhà 01, tổ 11, phường Q, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới xin theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn thì ông bà chuyển về sinh sống tại Thôn K, xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An. Đến năm 2009, vợ chồng ông bà B H chuyển đến phường Q, thành phố SL, tỉnh Sơn La để sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đầu thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hiểu nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù, bản thân ông B bà H đã tự giải quyết, hai bên gia đình đã hòa giải, khuyên bảo, động viên nhiều lần nhưng không có kết quả. Ông bà ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông Nguyễn Văn B có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với bà Hoàng Thị H.

Về con chung, quá trình chung sống, ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị H có 01 con chung là anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 14/8/1998, nay anh T đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Theo đơn trình bày ý kiến, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn trình bày:

Nhất trí với ý kiến trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B về thời điểm đăng ký kết hôn năm 1998, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, tuy nhiên, do quá trình chuyển nhà nhiều lần, Giấy đăng ký kết hôn hiên nay đã bị thất lạc. Quá trình chung sống hạnh phúc, hòa thuận đến khoảng tháng 10 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mẫu thuẫn là do không hòa hợp về quan điểm sống và ông B có mối quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Mặc dù đã cùng nhau ngồi lại nói chuyện và được gia đình hai bên can ngăn, hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay, ông B đề nghị được ly hôn với bà, bà nhất trí ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

Về con chung: Nhất trí với trình bày của nguyên đơn về con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: Bà khẳng định ông bà không có tài sản chung, tài sản riêng và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Bà cam đoan hiện nay ông bà không nợ ai.

Tại phiên tòa ngày 23/8/2024, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Qua kiểm sát vụ án thấy Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 , Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Văn B và bà

Hoàng Thị H là vợ chồng; các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B khởi kiện đối với bị đơn bà Hoàng Thị H có nơi cư trú tại: Số nhà 01, tổ 11, phường Q, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố SL, tỉnh Sơn La.

[2] Về sự chấp hành của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ pháp luật: Quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn bà Hoàng Thị H, căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xác định là quan hệ tranh chấp về Xin ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không xuất trình được bản gốc hoặc trích lục Giấy đăng ký kết hôn có xác nhận của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, không có căn cứ về việc ông B bà H đã đăng ký kết hôn tại đây. Tuy nhiên, ông bà đều khẳng định đã chung sống với nhau từ năm 1998, đến thời điểm hiện tại chưa đi đăng ký kết hôn lại lần nào, do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là Kiện không công nhận là vợ chồng.

[4] Về nội dung của vụ án:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị H sống chung với nhau từ năm 1998. Trong đơn khởi kiện cũng như bản tự khai, ông B, bà H đều khẳng định có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nhưng không xuất trình được giấy đăng ký kết hôn của ông bà. Tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa hiện nay không có lưu trữ hồ sơ hộ tịch về đăng ký kết hôn năm 1998 nên không có thông tin về việc đăng ký kết hôn của ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị H, thời điểm đăng ký kết hôn không có ai làm chứng, cán bộ hộ tịch giai đoạn 1998 hiện nay đã chết, bản thân ông B bà H đều khẳng định từ khi ở với nhau đến nay cũng chưa lần nào đi đăng ký kết hôn lại tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, không có đủ cơ sở để khẳng định ông B và bà H đã đăng ký kết hôn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, có căn cứ phù hợp với ý kiến của đại diện Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố SL, tỉnh Sơn La xác định ông B bà H chuyển đến sinh sống tại phường Q, thành phố SL từ năm 2009 đến nay và không nắm được việc mâu thuẫn của ông bà B H, hiện nay ông bà đã ly thân được một thời gian và không thể hòa giải được. Xét tình cảm giữa ông B bà H thực sự không còn, đời sống chung vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể kéo dài, không có khả năng khắc phục mâu thuẫn, trên cơ sở đề nghị ly hôn của ông B và sự nhất trí ly hôn của bà H, căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp, Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị H là vợ chồng.

[4.2] Về con chung:

Ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị H sống với nhau có 01 con chung, là anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 14/8/1998, đến nay anh Thắng đã đã trưởng thành, đã có gia đình riêng và đủ khả năng lao động, ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: Quá trình chung sống, ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị H đều xác định là không có tài sản chung, tài sản riêng và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố SL tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Văn B bà Hoàng Thị H là vợ chồng.

2. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

là theo biên lai thu tiền số 0001547 ngày 03/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố SL, tỉnh Sơn La.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố SL;
- Chi cục THADS thành phố SL;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lò Thị Mai Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Thanh Liêm **Lò Thị Quỳnh** **Lò Thị Mai Hương**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quàng Thị Hỏa **Lò Văn Khẹt** **Lò Thị Mai Hương**